

Rèn kỹ năng kể chuyện cho học sinh lớp 4 theo hướng phát triển năng lực

Đặng Thị Lệ Tâm*, Đặng Thị Mai Hương**

* TS. Trường ĐH Sư phạm, ĐH Thái Nguyên

**GV. Trường Tiểu học Bắc Lệnh, Thành phố Lào Cai

Received: 13/3/2024; Accepted: 18/03/2024; Published: 29/3/2024

Asbtract: *Storytelling plays an important role in Vietnamese language, especially in fourth grade Vietnamese language courses. Telling stories is crucial for cultivating students' overall skills and qualities; The ability to stimulate analytical thinking, summarize, express, and expand vocabulary. Through the story, children have gained an understanding of the world around them, gained more experience and life capital, and established their own attitudes towards life. Therefore, developing language skills, especially in speaking and listening through storytelling, is necessary and important to meet the requirements of the new curriculum.*

Keywords: *Storytelling, Vietnamese, ability, elementary school, students*

1. Đặt vấn đề

Kể chuyện có vị trí quan trọng của môn Tiếng Việt nói chung và trong chương trình Tiếng Việt lớp 4 nói riêng. Kể chuyện đóng vai trò thiết yếu trong việc bồi dưỡng kỹ năng và phẩm chất toàn diện cho học sinh (HS); kích thích tư duy phân tích, khả năng tóm tắt, diễn đạt và mở rộng vốn từ. Thông qua các câu chuyện, các em nhận thức được thế giới xung quanh, có thêm kinh nghiệm, vốn sống, xác lập thái độ của bản thân đối với cuộc sống. Vì vậy, phát triển ngôn ngữ, đặc biệt là kỹ năng nói và nghe thông qua nội dung kể chuyện là một việc cần thiết và quan trọng đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình mới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Nội dung kể chuyện trong sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 4 (bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)

Tiếp tục định hướng đã triển khai từ các lớp trước, trong Tiếng Việt 4 bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, hệ thống chủ đề được sắp xếp hợp lý. Qua mỗi chủ đề học tập, HS sẽ được rèn luyện và phát triển các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe, cũng như các kiến thức của môn Tiếng Việt – đáp ứng yêu cầu cần đạt của Chương trình môn Tiếng Việt lớp 4. Qua cách đặt tên chủ đề như *Mỗi người một vẻ*, *Trải nghiệm và khám phá*, *Niềm vui sáng tạo*, *Chấp cánh ước mơ*, *Sống để yêu thương*, *Uống nước nhớ nguồn*, *Quê hương trong tôi...* chúng tôi muốn đổi theo từng trải nghiệm, từng niềm vui và mỗi bước trưởng thành của HS, những người đồng hành cùng bộ sách này.

Lên lớp 4, lớp 5, HS vẫn tiếp tục được rèn luyện kỹ năng kể chuyện đã được hình thành ở các lớp trước

thông qua kiểu bài *Nghe – kể lại câu chuyện vừa nghe thầy, cô kể trên lớp*. Câu chuyện có độ dài trên dưới khoảng 500 chữ, được in trong sách GV, trình bày thành tranh hoặc kèm lời giải ngắn gọn trong sách giáo khoa. Câu chuyện được thầy, cô kể cho HS nghe, rồi HS kể lại. Bên cạnh mục đích chung là rèn kỹ năng nói cho HS, kiểu bài này còn rèn kỹ năng nghe. Ở nhiều bài có thêm điểm tựa để nhớ truyện là tranh minh họa và gợi ý dưới tranh. Ví dụ: Dựa vào tranh vẽ, kể lại từng đoạn câu chuyện “Đôi cánh của ngựa trắng” đã được nghe cô giáo (thầy giáo) kể [4 131]. Khác với nội dung dạy học kể chuyện trước đây, trong SGK Tiếng Việt 4 mới, ngoài việc kể lại câu chuyện vừa nghe thầy cô kể trên lớp, HS còn được rèn luyện thêm kỹ năng *nghe kể chuyện và ghi lại những chi tiết quan trọng; tóm tắt lại câu chuyện* (Kể chuyện Bài học quý, [5, 30]); *dựa vào nội dung câu chuyện đặt tên cho từng tranh* (Kể chuyện *Về quê ngoại*, [5, 105]).

Mặc dù yêu cầu nghe và kể lại câu chuyện đã giảm bớt về số lượng nhưng nội dung trong sách cũng có thêm một số kiểu bài cũng gắn với yêu cầu HS *kê/ thuật lại câu chuyện mà HS được trực tiếp tham gia/ chứng kiến trong hoặc yêu cầu kỹ năng nghe-ghi lại, tóm tắt lại nội dung câu chuyện hoặc những chi tiết quan trọng trong câu chuyện*. Nội dung thuật/kể lại câu chuyện này đòi hỏi HS phải có nhiều liên hệ với vốn sống, trải nghiệm của các em. Các câu chuyện được kể có nội dung liên quan đến các chủ đề học tập xuyên suốt trong chương trình môn Tiếng Việt 4.

2.2. Sử dụng một số kỹ thuật và hình thức dạy học tích cực phát triển năng lực kể chuyện cho HS lớp 4

2.2.1. Kỹ thuật Chia sẻ nhóm đôi

- Bước 1: GV nêu vấn đề, đưa ra hệ thống câu hỏi mở liên quan đến bài học nhằm kích thích trí tò mò của HS, dành thời gian để HS suy nghĩ.

- Bước 2: Giao nhiệm vụ cho HS:

+ Yêu cầu HS thành lập nhóm đôi.

+ Sau đó, chia sẻ ý tưởng của mình về vấn đề đã nêu.

+ Thảo luận, phân loại vấn đề bàn luận.

- Bước 3: Nhóm đôi này lại chia sẻ tiếp với nhóm đôi khác.

- Bước 4: Sau khi kết thúc các hoạt động dạy học:

+ GV cho HS trình bày kết quả thảo luận với cả lớp.

+ GV cho thảo luận cả lớp để thu hồi thông tin xem vấn đề này HS cần nắm được những thông tin gì?

+ GV tổng kết.

Ví dụ: Kể chuyện vừa nghe thầy, cô kể trên lớp: “NHÀ PHÁT MINH VÀ BÀ CỤ” [4,100]

- Bước 1: GV nêu vấn đề, cho HS quan sát các bức tranh trong SGK và dự đoán nội dung câu chuyện.

- Bước 2: Thảo luận nhóm đôi

+ HS thành lập nhóm đôi và thảo luận về nội dung các bức tranh.

+ Mỗi nhóm chia sẻ ý tưởng, tư duy của bản thân về các hình ảnh và phân loại nội dung phù hợp với từng bức tranh dựa trên thứ tự sắp xếp.

- Bước 3: Chia sẻ và thảo luận mở rộng (các nhóm đôi chia sẻ kết quả thảo luận với nhóm khác).

- Bước 4: Báo cáo kết quả và tổng kết:

+ Đại diện các nhóm trình bày nội dung thảo luận của nhóm mình.

+ HS toàn lớp cùng thảo luận về nội dung các bức tranh.

+ GV kết luận: kể cho HS nghe toàn bộ câu chuyện; phân tích nội dung từng bức tranh.

2.2.2. Kỹ thuật sơ đồ tư duy (SĐTD)

Đây là kỹ thuật được sử dụng nhiều nhất trong các môn học ở tiểu học. Đặc biệt trong môn Kể chuyện ở lớp 4 - 5 với kiểu bài “Kể lại câu chuyện đã nghe thầy cô kể trên lớp” hay kiểu bài “Kể lại câu chuyện em đã được nghe, được đọc”. Nó là công cụ hữu ích có chức năng khai thác tối đa các giá trị tiềm năng của bộ não.

Các bước sử dụng kỹ thuật SĐTD trong dạy học:

- Bước 1: Xác định chủ đề: GV đưa ra chủ đề chính cần tìm hiểu (từ khóa).

- Bước 2: Hướng dẫn vẽ sơ đồ:

+ Từ chủ đề chính, HS tìm ra các chủ đề nhỏ liên quan.

+ Từ mỗi chủ đề nhỏ, HS lại tìm ra những yếu tố dựa vào nội dung liên quan.

- Bước 3: Thảo luận và vẽ sơ đồ: HS tiến hành thảo luận với nhau và vẽ SĐTD vào giấy.

- Bước 4: Trình bày sơ đồ: Nhóm nào hoàn thành sẽ dán sơ đồ lên bảng.

- Bước 5: Thảo luận toàn lớp: GV cho HS thảo luận toàn lớp. Yêu cầu đại diện nhóm trình bày SĐTD của nhóm mình.

- Bước 6; Hoàn thiện sơ đồ: GV tổ chức cho các nhóm chỉnh sửa, bổ sung sơ đồ tư duy nếu thiếu.

Ví dụ: Kể chuyện vừa nghe thầy, cô kể trên lớp: “ĐÔI CÁNH CỦA NGỰA TRẮNG” [4,131]

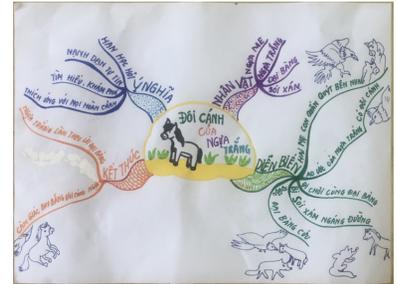
Hoạt động 2: Hướng dẫn vào tranh, kể lại HS câu chuyện. Thời gian hoạt động: 10 phút

- Bước 1: GV đưa ra từ khóa “Đôi cánh của ngựa trắng”

- Bước 2: Hướng dẫn HS vẽ:

- Bước 3:

HS thảo luận nhóm và vẽ lại câu chuyện trên khổ giấy A0. Sử dụng các tờ bìa màu, bút màu để trang trí theo



nội dung thảo luận của nhóm.

- Bước 4: trưng bày sản phẩm của nhóm để các nhóm khác cùng xem.

- Bước 5: Thảo luận cả lớp:

+ GV gọi đại diện các nhóm lên trình bày kết quả của nhóm mình.

+ Cho các nhóm nhận xét, bổ sung.

- Bước 6: Hoàn thiện SĐTD.

Sau khi thảo luận, nhóm nào thiếu nội dung thì hoàn thiện lại SĐTD cho hoàn chỉnh; mời đại diện 2 nhóm lên kể lại toàn bộ câu chuyện dựa vào SĐTD vừa hoàn thiện. Các em có thể sử dụng hình ảnh và từ ngữ nổi bật để minh họa cho câu chuyện..

2.2.3. Kỹ thuật khăn trải bàn

Kỹ thuật “Khăn trải bàn” là một phương pháp giảng dạy hiệu quả có thể áp dụng cho các bài học Kể chuyện ở lớp 4. Kỹ thuật này giúp huy động sự tham gia tích cực của HS và khuyến khích trách nhiệm cá nhân trong quá trình học tập.

Cách thực hiện:

- Bước 1: Chia HS thành các nhóm 4 và phát cho mỗi nhóm một tờ giấy A1.

- Bước 2: Các nhóm chia tờ giấy A1 thành các

phần:

+ Phần giữa: Dành cho việc ghi chép ý tưởng chung của cả nhóm.

+ Phần xung quanh: Chia thành số phần bằng số lượng thành viên trong nhóm. Mỗi thành viên sẽ ngồi vào vị trí tương ứng với phần của mình trên “khăn trải bàn”.

- Bước 3: Mỗi HS làm việc độc lập và ghi chép ý tưởng của mình vào phần giấy của mình trên “khăn trải bàn”.

- Bước 4: Các thành viên trong nhóm thảo luận và thống nhất ý kiến, sau đó ghi chép kết quả thảo luận vào phần giữa của “khăn trải bàn”.

Ví dụ: Kể chuyện vừa nghe thầy, cô kể trên lớp: BÀI HỌC QUÝ [5,30]

Hoạt động Vận dụng: *chia sẻ với người thân suy nghĩ của em về nhân vật chim sẻ hoặc nhân vật chim chích trong câu chuyện Bài học quý.*

- Chia lớp thành 8 nhóm (quy định thời gian thảo luận là 3 phút).

- 2 nhóm cùng làm 1 vấn đề (gồm 4 vấn đề)

- Nội dung các vấn đề:

+ Nhóm 1, 2: Trả lời câu hỏi: Chim sẻ có suy nghĩ như thế nào và đã làm gì khi nhận được món quà của bà ngoại?

+ Nhóm 3, 4: Trả lời câu hỏi: Chim chích đã làm gì khi nhặt được những hạt kê ngon lành?

+ Nhóm 5, 6: Trả lời câu hỏi: Chim chích đã nói gì khi chim sẻ từ chối nhận phần hạt kê? Vì sao chim sẻ cảm thấy xấu hổ?

+ Nhóm 7, 8: Trả lời câu hỏi: Câu chuyện có ý nghĩa gì?

- HS suy nghĩ, nhớ lại các tình tiết trong câu chuyện, viết ý kiến vào ô quy định sau đó thảo luận thống nhất ý kiến.- Đại diện nhóm lên trình bày, các nhóm khác chú ý lắng nghe để nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn.

- GV đưa ra nhận xét, chốt ý: câu chuyện “Bài học quý” là một bài học ý nghĩa về tình bạn. Qua câu chuyện này, chúng ta cần biết chia sẻ với bạn bè, giúp đỡ nhau lúc khó khăn. Lòng tốt sẽ luôn được đền đáp xứng đáng.

2.2.4. Sử dụng hoạt động ngoại khóa, tham quan, dạy học ngoài trời

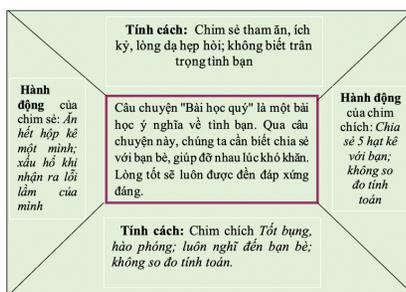
a. Hoạt động ngoại khóa (sân khấu hóa câu chuyện): Hoạt động này có thể được tổ chức dưới nhiều hình thức đa dạng như trò chơi, đóng hoạt cảnh, hoặc trao đổi ý kiến, hỏi đáp về vấn đề liên quan đến nội dung kể chuyện. Thông qua hoạt động này, vốn hiểu biết của HS về các chủ đề khác nhau được mở rộng; khả năng kể chuyện và cảm thụ tinh tế cái hay, cái đẹp trong các câu chuyện của các em được nâng cao; giáo dục tinh thần tham gia các hoạt động tập thể, các phong trào của nhà trường và lớp; giúp HS tự tin, mạnh dạn, năng động và vui tươi; mang đến một hoạt động học tập giải trí bổ ích và được học sinh hứng thú..

Ví dụ: Dạy bài: “Bài học quý” [5,30], GV xây dựng sân khấu phù hợp với câu chuyện cho HS diễn, GV chuẩn bị thêm âm thanh, ánh sáng, trang phục diễn (mũ đội hình nhân vật, áo khoác của nhân vật). Mỗi đội chơi gồm ba nhân vật thi diễn lại câu chuyện. Trong quá trình các em diễn, GV cần chú ý giọng kể, điệu bộ của các em để nhận xét. Ngoài ra, GV cũng cần lên kế hoạch cho các khâu khác như: viết kịch bản thoại, chuẩn bị trang phục, đạo cụ, cảnh trí,... Có thể phân công HS tham gia vào các công đoạn chuẩn bị để phát huy khả năng sáng tạo của các em.

b. Hình thức tham quan: Là hình thức tổ chức cho HS tham quan di tích lịch sử, cho phép HS trực tiếp đến các đền thờ, miếu thờ hoặc địa danh nổi tiếng để trải nghiệm thực tế và hiểu rõ hơn về lịch sử. Hình thức này giúp HS nhận thức sâu sắc về các vấn đề lịch sử, tăng cường sự hiểu biết về văn hóa, truyền thống địa phương; phát triển tư duy, khả năng quan sát, phân tích và tổng hợp thông tin. Hình thức này đòi hỏi sự chuẩn bị của GV mất nhiều thời gian và công sức, GV cần phải lên kế hoạch, chuẩn bị chu đáo về phương tiện, kinh phí cụ thể. Mặc dù đối tượng HS lớp 4 đã có những suy nghĩ và nhận thức khá tốt về nhiệm vụ học tập của mình nhưng vẫn cần GV chuẩn bị kỹ lưỡng để đảm bảo hiệu quả và an toàn cho các em. Một số bài học trong chương trình Tiếng Việt lớp 4 mà GV có thể tổ chức cho các em học bằng hình thức tham quan.

Ví dụ như bài “*Kể lại một việc có ích mà em đã làm cùng bạn bè hoặc người thân; Thuật lại sự việc thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn...*”.

c. Hình thức dạy học ngoài trời: Dạy học ngoài trời là một hình thức giáo dục hiệu quả, mang lại nhiều lợi ích cho HS. GV nên áp dụng hình thức này một cách linh hoạt và phù hợp để nâng cao chất lượng dạy học. Thay vì chỉ bó hẹp trong lớp học, HS được



trải nghiệm học tập ở nhiều địa điểm khác nhau như sân trường, vườn hoa, bãi cỏ,...Việc mở rộng không gian kích thích sự tò mò, ham học hỏi và giúp HS tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, hiệu quả hơn. Các hoạt động đa dạng, phong phú giúp HS giải tỏa căng thẳng, tạo bầu không khí học tập vui vẻ, thoải mái. HS có cơ hội quan sát trực tiếp các hiện tượng, thực hành các hoạt động và tương tác với môi trường xung quanh. Qua đó, các em có thể rèn luyện kỹ năng quan sát, tư duy, sáng tạo và giải quyết vấn đề.

Ví dụ: một số bài có thể dạy các em sử dụng hình thức này: “*Kể lại một việc làm có ích mà em đã làm cùng bạn bè hoặc người thân*” [4,62], “*Kể lại một việc em đã tham gia góp phần giữ môi trường sống xanh, sạch, đẹp*” [5,133].

Đổi mới phương pháp dạy học đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao hiệu quả giáo dục. Chương trình tiểu học mới chú trọng vào việc trang bị cho HS kỹ năng học tập, giúp HS tự tin và ham học hỏi; đồng thời chương trình cũng khuyến khích phương pháp giảng dạy cá nhân hóa và hợp tác, tạo điều kiện cho HS phát triển năng lực theo tốc độ và khả năng riêng của mình.

3. Kết luận

Tiếng Việt là môn học quan trọng trong nhà

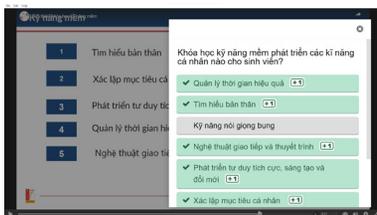
trường phổ thông, đặc biệt đối với bậc tiểu học, trong đó kể chuyện là một nội dung dạy học quan trọng. Để đáp ứng được yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy học tiếng Việt theo chương trình - sách giáo khoa mới rất cần áp dụng những phương pháp giảng dạy sáng tạo và hiệu quả để phát triển tư duy ngôn ngữ và khả năng sáng tạo cho HS.

Tài liệu tham khảo

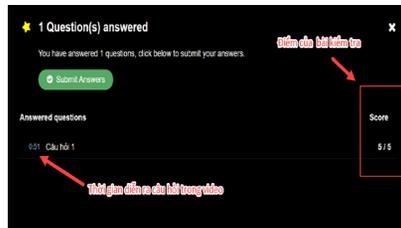
1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, Hà Nội.
2. Chu Huy (1985), *Dạy Kể chuyện ở trường tiểu học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Hoàng Hòa Bình (2015), *Năng lực và đánh giá theo năng lực*, Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm TPHCM, (6), tr.21-30.
4. Bùi Mạnh Hùng (CB) (2023), *Tiếng Việt 4, tập 1 – Kết nối tri thức với cuộc sống*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
5. Bùi Mạnh Hùng (CB) (2023), *Tiếng Việt 4, tập 2 – Kết nối tri thức với cuộc sống*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
6. Nguyễn Trí, Lê A, Lê Phương Nga (2001), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

Khai thác một số công cụ trên Moodle....(tiếp theo trang 11)

3. Kết luận



Hình 2.4: Các câu hỏi của video tương tác trong công cụ H5P



Hình 2.5: Các thông số khi sinh viên trả lời câu hỏi của video tương tác trong công cụ H5P

Cá nhân hóa học tập đang là xu hướng dạy học tất yếu trong kỷ nguyên số. Để có thể triển khai hình thức dạy học này trên thực tế cho đông đảo người học thì tất yếu cần sự hỗ trợ của các giải pháp công nghệ. Nghiên cứu này mới chỉ đề cập đến việc khai thác một số tính năng sẵn có của hệ quản trị học tập Moodle để có thể thực hiện một cách thức cá nhân hoá người học. Sử dụng nhiều phương thức để cá nhân hoá người học như dựa trên phong cách học

tập, sử dụng các công nghệ tiên tiến hơn như AI hay phân tích học tập với các thuật toán phức tạp... chính là những định hướng nghiên cứu có thể tiếp tục thực hiện nhằm hướng tới mục tiêu cuối cùng là cung cấp cho người học những trải nghiệm học tập có mức độ tùy chỉnh cao nhất, phù hợp nhất với họ. Với sự phát triển của công nghệ thì điều này là hoàn toàn khả thi.

Tài liệu tham khảo

1. A. Shemshack and J. M. Spector, “A systematic literature review of personalized learning terms,” *Springer Open, Smart Learning Environments*, <https://doi.org/10.1186/s40561-020-00140-9>, pp. 1-20, 2020.
2. M. Brown, J. Dehoney and N. Millichap, “The Next Generation Digital Learning Environment - A Report on Research,” *Educause*, 2015. *S. vironments; DOI: 10.4018/jvple.201100101*, vol. 2, no. 4, pp. 1-11, 2011